

Số: 13/QĐ-MNNH

Nam Hòa, ngày 08 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2025 của Trường Mầm non Nam Hoà

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON NAM HOÀ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 888/QĐ-PGDĐT ngày 27/12/2024 của Phòng GD&ĐT Quảng Yên về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2025 của Trường Mầm non Nam Hoà

(theo biểu số 2 đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ văn phòng(Kế toán) có trách nhiệm thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

-Phòng GD -ĐT Quảng Yên

-Như điều 3(T/h)

-Lưu VP



HIỆU TRƯỞNG

Dương Thị Nguyệt

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: **TRƯỜNG MẦM NON NAM HÒA**

Chương: 622

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 888 /QĐ- PGDDT ngày 27/12/2024 của Phòng GD&ĐT thị xã Quảng Yên)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	268.000.000
I	Số thu phí, lệ phí	268.000.000
1	Số thu Học phí	268.000.000
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-
1	Chi sự nghiệp	-
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-
2	Chi quản lý hành chính	-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	-
I	Phí	-
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	4.681.000.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	4.681.000.000
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	4.681.000.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.325.000.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	356.000.000

Nam Hòa, ngày 08 tháng 01 năm 2025

Người lập



Vũ Thị Thoan

Hiệu trưởng



Dương Thị Nguyệt

Số: 888/QĐ-PGDĐT

Quảng Yên, ngày 27 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỊ XÃ QUẢNG YÊN

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3884/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt điều chỉnh nội dung tự chủ về nhân lực, tự chủ về tài chính tại Đề án tự chủ của các trường mầm non, phổ thông công lập thuộc Ủy ban nhân dân các thành phố, thị xã giai đoạn 2024-2025;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên: Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 7962/QĐ-UNND ngày 13/12/2024 về việc phê duyệt điều chỉnh Phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2024-2025 đối với các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở công lập trên địa bàn thị xã; Quyết định số 8226/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2025; phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách thị xã năm 2025 và một số biện pháp điều hành ngân sách thị xã năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

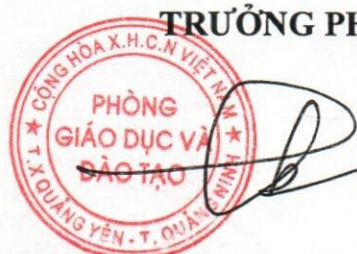
Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH thị xã;
- KBNN thị xã;
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- Lưu: VT, KT (02)/.

TRƯỞNG PHÒNG


Nguyễn Thị Thúy



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-PGDĐT ngày 27/12/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã)

Đơn vị: Trường Mầm non Nam Hoà

Mã số: 1105741

Mã KBNN nơi giao dịch: 2817

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
I	Phân bổ dự toán thu dịch vụ (học phí)		
1	Dự toán thu	268	
2	Chi từ nguồn thu được để lại	268	
	<i>Chi sự nghiệp giáo dục</i>	<i>268</i>	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	268	
-	Chi lương và các khoản theo lương		
-	Chi hoạt động thường xuyên	268	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	4.681	
	<i>Chi sự nghiệp giáo dục</i>	<i>4.681</i>	
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ NSNN cấp (=1.1+1.2+1.3+1.4+1.5-1.6-1.7- nguồn CCTL của trường học)	4.325	
1.1	Chi lương và các khoản theo lương (không bao gồm quỹ lương từ nguồn thu của đơn vị)	3.765	
	Trong đó:		
-	Chi từ nguồn CCTL ngân sách thị xã	1.367	
-	Chi từ nguồn CCTL của đơn vị		
-	Chi từ nguồn NSNN cấp còn lại	2.398	
1.2	Kinh phí hoạt động theo định mức (sau khi loại trừ phần kinh phí đã bố trí từ nguồn thu của đơn vị)	461	
1.3	Kinh phí hoạt động bổ sung thêm đối với các trường tiểu học không thu học phí (0,4 triệu đồng/học sinh)		
1.4	Hỗ trợ điểm trường lẻ (50 triệu đồng/trường)		
1.5	Kinh phí hoạt động bổ sung để đạt tỷ lệ % quỹ tiền lương/chi khác là 80/20 theo Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 của Chính phủ và NQ 185/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	210	
1.6	Tiết kiệm 10% chi hoạt động để tạo nguồn CCTL năm 2025 theo quy định	94	
1.7	Tiết kiệm 10% dự toán giao năm 2025 tăng so với dự toán giao năm 2024 sau khi loại trừ các khoản theo quy định	17	
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ NSNN cấp (=2.1+2.2+2.3+2.4+2.5+2.6+2.7+2.8+2.9-2.10)	356	
2.1	Chế độ chính sách cho học sinh các trường công lập	10	
2.2	Chế độ chính sách cho giáo viên		

STT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
2.3	Kinh phí quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thiết bị Công nghệ thông tin được đầu tư theo đề án TP thông minh		
2.4	Kinh phí thực hiện đề án dạy bơi		
2.5	Kinh phí hoạt động chung	131	
2.6	Kinh phí mua sắm, bổ sung trang thiết bị trường, lớp học		
2.7	Kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ mầm non	7	
2.8	Kinh phí chi cho chỉ tiêu hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ		
2.9	Quỹ tiền thưởng theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của chính phủ	211	
2.10	Tiết kiệm 10% dự toán giao năm 2025 tăng so với dự toán giao năm 2024 sau khi loại trừ các khoản theo quy định (tại nội dung kinh phí hoạt động chung)	3	